

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 18/8/2020

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Hùng;
2. Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà V. T. H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp TB, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang; (Có mặt).

* Bị đơn: **Ông L.Q.T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp TB, xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà V. T. H trình bày như sau: Bà và ông L.Q.T chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới. Hôn nhân của ông bà là tự nguyện, lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 15/5/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T đi làm ăn xa nên có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và về nhà kiểm

chuyện đánh đập, không quan tâm đến vợ con. Vì con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng nhưng đến nay bà không chịu đựng được nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian ly thân bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên L. X.H, sinh ngày 19/8/2007 và L.V.H, sinh ngày 30/11/2009. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông L.Q.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T. Về con chung: Giao cháu Hiếu và cháu Hùng cho bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà H yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông L.Q.T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 15/5/2007 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T đi làm ăn xa nên có quan hệ bất chính với người phụ nữ

khác và về nhà kiếm chuyện đánh đập và không quan tâm đến vợ con. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên L. X.H, sinh ngày 19/8/2007 và L.V.H, sinh ngày 30/11/2009.

Xét thấy, thời gian ly thân, cháu Hiếu và cháu Hùng được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và 02 cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà H. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Hiếu và cháu Hùng theo khoản 1, khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa thấy cần giao cháu Hiếu và cháu Hùng cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà H phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. T. H.

* Về hôn nhân: Bà V. T. H được ly hôn với ông L.Q.T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/KH, quyền số 01/2007 ngày 15/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà V. T. H và ông L.Q.T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 18/8/2020.

* Về con chung: Giao cháu L. X.H, sinh ngày 19/8/2007 và cháu L.V.H, sinh ngày 30/11/2009 cho bà V.T. H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000941 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ông T không phải nộp án phí.

Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân